

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2025
V/v tranh chấp khác về hôn nhân và
gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Nghĩa

Ông Trần Minh Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khánh Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham
gia phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Châu T, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Trần A, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Châu T trình bày:

Vào năm 1995 thì bà và ông Trần A được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng bà có 02 con chung là Trần N, sinh ngày 02/6/1995 đã có chồng, sống bên gia đình chồng và Trần Đ, sinh ngày 02/5/1998 đang đi học lái xe, đủ khả năng lao động. Hiện nay các cháu đã trưởng thành. Quá

trình chung sống vợ chồng bà có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không có nợ chung.

Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng dần dần về sau thì vợ chồng bà bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn thương yêu, cuộc sống của ai nấy sống không ai quan tâm đến ai, ông A thường xuyên đánh đập vợ cũng từng bị xử phạt vi phạm hành chính. Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn lại được. Bà xin được ly hôn với ông A. Còn những vấn đề khác như tài sản chung, nợ chung, con chung thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông A không đến Tòa án để tham gia, cũng không có ý kiến gì.

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Còn bị đơn vắng mặt không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, tuyên bố không công nhận bà Châu T và ông Trần A là vợ chồng. Về con chung: các con chung của bà T và ông A hiện nay đã trưởng thành, không đương sự nào yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét; Về nợ chung, tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn ông A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Trần A và bà Châu T sống chung với nhau vào năm 1995, trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn đã vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận.

[3] Trong khoảng thời gian sống chung thì ông bà cũng đã có hai con chung. Lẽ ra, trong quá trình sống chung ông bà lo chí thú làm ăn để xây dựng

gia đình đầm ấm, hạnh phúc, nhưng ngược lại trong cuộc sống chung giữa ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo bà T trình bày nguyên nhân là mâu thuẫn gia đình ngày càng nhiều, thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không còn thương yêu lẫn nhau, gia đình không hạnh phúc, không thể chung sống với nhau như vợ chồng được nữa. Vì vậy, bà T yêu cầu ly hôn với ông A. Còn ông A không có ý kiến gì.

[4] Thấy rằng, từ những vấn đề phát sinh trong đời sống hằng ngày ông bà đã không có sự thông cảm cho nhau, nên đã làm cho gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, đời sống chung không còn hòa hợp với nhau nữa. Tòa án cũng động viên bà T về sống chung ông A nhằm hàn gắn lại tình cảm gia đình, nhưng bà T vẫn nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông A mà không về đoàn tụ lại với ông A. Xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là chấp nhận yêu cầu của bà T và tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà T và ông A là vợ chồng.

[5] Con chung: Quá trình sống chung, ông bà có hai con chung đều đã trưởng thành, bà T trình bày các con chung của bà đủ khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân và không ai có yêu cầu gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Châu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình; ông Trần A không phải chịu tiền án phí.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 260, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Trần A và bà Châu T là vợ chồng.

2/ Về con chung: Các con chung của ông Trần A và bà Châu T đều trưởng thành, không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: ông Trần A và bà Châu T không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: Bà Châu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007274 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Ông Trần A không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng